

Số/No. 40/2024/WSB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính
riêng năm 2024 đã kiểm toán)

(Information disclosure of audited
Separate Financial Statements in 2024)

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN
- MIỀN TÂY**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN -
MIỀN TÂY
DN: c=VN, st=CẦN THƠ,
l=Quận Bình Thủy,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TÂY,
0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:1800586579
Date: 2025.03.11 16:07:41
+07'00'

Cần Thơ, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Can Tho, March 11, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng đã kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose the audited separate financial statements in 2024 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company

– Mã chứng khoán/ Stock code: WSB

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam

– Điện thoại/Tel: 02923 843 333

Fax: 02923 843 222

– Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– **BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024/ Audited separate financial statements in 2024**

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);



Handwritten signature

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases in which the cause must be explained:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in 2024)

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2024)

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có/Yes ☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/03/2025 tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

This information was published on the company's website on March 11th, 2025 as in the link: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024/
Audited separate financial statements in 2024

Đại diện tổ chức/Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Legal representative/Disclosure Authorization

(Signature, full name, job position, seal)



Lê Đăng Khoa





Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 27 tháng 11 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch
Bà Teoh Jie Ee	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Loan Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc
Ông Lê Thành Phúc	Phó Giám đốc
	(từ ngày 1 tháng 5 năm 2024)

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Tan Teck Chuan Lester
Ông Lê Đăng Khoa

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 7 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 24-01-00466-25-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		395.945.996.317	320.770.886.343
Tiền	110	5	50.972.574	37.968.259
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		329.160.000.000	237.644.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	329.160.000.000	237.644.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.033.089.724	53.641.310.464
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.332.171.471	12.996.666.414
Trả trước cho người bán	132		360.554.467	630.837.140
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	24.340.363.786	40.013.806.910
Hàng tồn kho	140	9	27.230.383.578	28.566.774.127
Hàng tồn kho	141		27.970.879.143	29.297.627.163
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(740.495.565)	(730.853.036)
Tài sản ngắn hạn khác	150		471.550.441	880.833.493
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		471.550.441	880.833.493

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		346.625.685.879	420.459.405.968
Tài sản cố định	220		107.701.121.649	141.370.773.869
Tài sản cố định hữu hình	221	10	107.701.121.649	141.370.773.869
Nguyên giá	222		529.100.814.062	527.350.814.062
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(421.399.692.413)	(385.980.040.193)
Bất động sản đầu tư	230	11	2.112.904.208	2.273.377.940
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.898.939.162)	(1.738.465.430)
Tài sản dở dang dài hạn	240		39.592.778	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	39.592.778	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		221.480.715.400	260.200.715.400
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(c)	500.000.000	39.220.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.291.351.844	16.614.538.759
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	13.658.219.640	14.740.383.226
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.633.132.204	1.874.155.533
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		742.571.682.196	741.230.292.311

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		45.594.790.694	49.247.403.987
Nợ ngắn hạn	310		42.361.547.049	45.625.360.342
Phải trả người bán	311	14	4.902.650.759	6.832.299.385
Người mua trả tiền trước	312		8.541.434	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	18.432.418.429	18.145.509.399
Phải trả người lao động	314		1.802.411.487	2.869.927.453
Chi phí phải trả	315		2.284.049.794	3.540.064.357
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.458.277.785	7.975.450.262
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	6.473.197.361	6.262.109.486
Nợ dài hạn	330		3.233.243.645	3.622.043.645
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	3.183.743.645	3.572.543.645
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		696.976.891.502	691.982.888.324
Vốn chủ sở hữu	410	19	696.976.891.502	691.982.888.324
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		374.265.444.548	369.271.441.370
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		326.239.960.769	305.739.932.803
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	421b		48.025.483.779	63.531.508.567
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		742.571.682.196	741.230.292.311

Ngày 7 tháng 3 năm 2025



Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu	01	24	196.389.542.554	203.194.884.698
Giá vốn	11	25	180.022.177.945	179.571.001.368
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		16.367.364.609	23.623.883.330
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	81.495.622.632	75.222.071.228
Chi phí bán hàng	25		465.359.772	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.911.222.900	11.998.696.026
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		84.486.404.569	86.847.258.532
Thu nhập khác	31		492.454.355	585.797.206
Chi phí khác	32		204.761.850	5.463.415
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		287.692.505	580.333.791
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		84.774.097.074	87.427.592.323
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.777.208.495	5.935.661.234
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	241.023.329	(13.003.331)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		80.755.865.250	81.504.934.420

Ngày 7 tháng 3 năm 2025


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		84.774.097.074	87.427.592.323
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		35.580.125.952	36.494.123.699
Các khoản dự phòng	03		9.642.529	(234.231.556)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(15.639.561.275)	(16.328.571.500)
Thu nhập từ lợi nhuận được phân phối và cổ tức	05		(65.856.058.168)	(58.893.385.450)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		38.868.246.112	48.465.527.516
Biến động các khoản phải thu	09		(864.881.871)	(8.338.504.005)
Biến động hàng tồn kho	10		1.326.748.020	(2.022.990.349)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.610.366.663)	2.807.952.522
Biến động chi phí trả trước	12		2.263.857.504	(901.130.450)
			35.983.603.102	40.010.855.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.549.782.863)	(5.493.815.938)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.976.550.534)	(4.391.462.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.457.269.705	30.125.577.275
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.715.512.444)	(2.734.719.489)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(290.440.000.000)	(276.674.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		237.644.000.000	176.059.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		96.968.722.054	97.769.978.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.457.209.610	(5.579.740.551)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(71.901.475.000)	(29.324.759.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.901.475.000)	(29.324.759.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		13.004.315	(4.778.922.276)
Tiền đầu năm	60		37.968.259	4.816.890.535
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	50.972.574	37.968.259

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Dương Thị Thúy Hồng
Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát và để xuất khẩu; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 105 nhân viên (1/1/2024: 104 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(f) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
--------------------------	------------

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai và két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	13.522.000	3.047.000
Tiền gửi ngân hàng	37.450.574	34.921.259
	50.972.574	37.968.259

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 5,5% một năm (1/1/2024: 4,9% đến 9,2% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2024				Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2024		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:											
Công ty con											
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)		Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết											
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	16.096.080.000		2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	19.416.196.800
Đơn vị khác											
• Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)		1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>220.980.715.400</u>	<u>-</u>					<u>220.980.715.400</u>	<u>-</u>	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024 được xác định dựa trên giá niêm yết.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 5,5% một năm (1/1/2024: 4,9% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	14.158.378.311	12.933.508.940
Các khách hàng khác	173.793.160	63.157.474
	14.332.171.471	12.996.666.414

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	14.158.378.311	12.933.508.940
Công ty liên quan Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	115.772.971	23.835.768

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi được khi có yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về lợi nhuận được phân phối và cổ tức được chia	16.458.906.742	32.074.648.889
Phải thu lãi tiền gửi	7.865.558.891	7.722.919.355
Phải thu khác	15.898.153	216.238.666
	24.340.363.786	40.013.806.910

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	11.131.467.878	-	11.833.696.755	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	3.498.458.928	(740.495.565)	3.275.320.541	(730.853.036)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.307.324.033	-	11.227.419.091	-
Thành phẩm	3.033.628.304	-	2.961.190.776	-
	27.970.879.143	(740.495.565)	29.297.627.163	(730.853.036)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 740 triệu VND (1/1/2024: 731 triệu VND) phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	730.853.036	965.084.592
Dự phòng trích lập trong năm	682.340.746	320.874.446
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(672.698.217)	(555.106.002)
Số dư cuối năm	740.495.565	730.853.036

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	68.669.251.897	440.001.492.235	8.464.249.179	10.215.820.751	527.350.814.062
Tăng trong năm	-	120.000.000	-	-	120.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.630.000.000	-	-	1.630.000.000
Số dư cuối năm	68.669.251.897	441.751.492.235	8.464.249.179	10.215.820.751	529.100.814.062
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.780.230.391	327.237.152.042	7.267.120.795	9.695.536.965	385.980.040.193
Khấu hao trong năm	2.841.191.052	31.863.026.218	423.660.865	291.774.085	35.419.652.220
Số dư cuối năm	44.621.421.443	359.100.178.260	7.690.781.660	9.987.311.050	421.399.692.413
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	26.889.021.506	112.764.340.193	1.197.128.384	520.283.786	141.370.773.869
Số dư cuối năm	24.047.830.454	82.651.313.975	773.467.519	228.509.701	107.701.121.649

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá là 93.473 triệu VND (1/1/2024: 81.912 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.738.465.430
Khấu hao trong năm	160.473.732
Số dư cuối năm	1.898.939.162
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.273.377.940
Số dư cuối năm	2.112.904.208

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê chưa được xác định do Công ty chưa thực hiện định giá.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	-	61.931.012
Tăng trong năm	2.442.003.644	1.000.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.630.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(772.410.866)	(62.931.012)
Số dư cuối năm	39.592.778	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.226.412.703	393.097.012	2.573.779.462	1.547.094.049	14.740.383.226
Tăng trong năm	-	-	756.940.813	350.399.277	1.107.340.090
Phân loại lại	-	-	(1.668.554.265)	1.668.554.265	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	772.410.866	772.410.866
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	115.388.890	-	115.388.890
Phân bổ trong năm	(465.474.648)	(393.097.012)	(757.775.663)	(1.460.956.109)	(3.077.303.432)
Số dư cuối năm	9.760.938.055	-	1.019.779.237	2.877.502.348	13.658.219.640

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.087.767.291	3.704.620.365
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	838.587.160	-
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	440.324.400	598.560.000
Công ty Cổ phần Thương mại Cửu Long	266.274.544	402.582.189
Các nhà cung cấp khác	2.269.697.364	2.126.536.831
	4.902.650.759	6.832.299.385

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.087.767.291	3.704.620.365
<i>Các công ty liên quan</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	838.587.160	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	93.330.540

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cần trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.609.736.110	160.934.397.870	(161.512.346.270)	-	14.031.787.710
Thuế giá trị gia tăng	1.999.929.463	35.468.872.899	(25.801.253.923)	(9.201.832.659)	2.465.715.780
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.489.654.961	3.777.208.495	(3.549.782.863)	-	1.717.080.593
Thuế thu nhập cá nhân	46.188.865	1.767.148.856	(1.595.503.375)	-	217.834.346
Thuế khác	-	7.953.291	(7.953.291)	-	-
	18.145.509.399	201.955.581.411	(192.466.839.722)	(9.201.832.659)	18.432.418.429

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	5.172.452.808	4.573.927.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	495.385.510	702.173.600
Phải trả khác	2.790.439.467	2.699.348.854
	8.458.277.785	7.975.450.262

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	6.262.109.486	6.012.408.409
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 19)	3.404.000.000	3.192.912.125
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	(605.161.591)	1.448.250.973
Sử dụng quỹ trong năm	(2.587.750.534)	(4.391.462.021)
Số dư cuối năm	6.473.197.361	6.262.109.486

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	3.572.543.645	3.572.543.645
Dự phòng sử dụng trong năm	(388.800.000)	-
Số dư cuối năm	3.183.743.645	3.572.543.645

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	145.000.000.000	177.711.446.954	321.632.756.418	644.344.203.372
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	81.504.934.420	81.504.934.420
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(3.192.912.125)	(3.192.912.125)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (Thuyết minh 17)	-	-	(1.448.250.973)	(1.448.250.973)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(280.513.728)	(280.513.728)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội năm 2022	-	-	55.427.358	55.427.358
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	145.000.000.000	177.711.446.954	369.271.441.370	691.982.888.324
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	80.755.865.250	80.755.865.250
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(3.404.000.000)	(3.404.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 17)	-	-	605.161.591	605.161.591
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(326.381.471)	(326.381.471)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội năm 2023	-	-	(136.642.192)	(136.642.192)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	145.000.000.000	177.711.446.954	374.265.444.548	696.976.891.502



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 58.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, trong đó 14.500 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2023 (2023: 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022).

Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty ngày 26 tháng 11 năm 2024 đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 (2023: 14.500 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập với mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	848.499.965	774.644.728
Từ hai đến năm năm	925.746.501	1.455.368.434
Sau năm năm	3.676.151.982	3.831.125.398
	5.450.398.448	6.061.138.560

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.701.999.847	636.666.667

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2024	1/1/2024
Chai	Chai	2.297.361	1.567.261

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán và doanh thu cho thuê, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	191.329.985.170	197.311.574.534
▪ Doanh thu cho thuê	604.061.155	360.387.300
▪ Doanh thu khác	4.455.496.229	5.522.922.864
	196.389.542.554	203.194.884.698

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Thành phẩm đã bán	179.734.056.762	179.195.852.623
Dịch vụ đã cung cấp	10.273.368	123.669.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.642.529	(234.231.556)
Giá vốn khác	268.205.286	485.710.425
	180.022.177.945	179.571.001.368

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập từ lợi nhuận được phân phối và cổ tức	65.856.058.168	58.893.385.450
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	15.639.561.275	16.328.571.500
Doanh thu tài chính khác	3.189	114.278
	81.495.622.632	75.222.071.228

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	8.764.028.614	7.940.329.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.415.313.486	1.112.658.917
Chi phí khấu hao	366.302.916	366.302.916
Chi phí khác	2.365.577.884	2.579.404.793
	<u>12.911.222.900</u>	<u>11.998.696.026</u>

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	107.806.788.259	107.385.709.735
Chi phí nhân công và nhân viên	28.772.510.116	25.826.732.011
Chi phí khấu hao và phân bổ	35.580.125.952	36.494.123.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.636.330.171	12.169.666.736
Chi phí khác	9.603.006.119	9.693.465.213

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	3.777.208.495	5.935.661.234
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	241.023.329	(13.003.331)
	<u>4.018.231.824</u>	<u>5.922.657.903</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	84.774.097.074	87.427.592.323
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.954.819.415	17.485.518.465
Chi phí không được khấu trừ thuế	234.624.043	215.816.528
Thu nhập được miễn thuế	(13.171.211.634)	(11.778.677.090)
	4.018.231.824	5.922.657.903

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	352.264.383.040	365.903.882.170
Mua nguyên vật liệu	79.905.715.006	82.830.095.482
Mua phần mềm	154.560.000	-
Cổ tức đã trả	55.182.350.000	20.459.500.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Lợi nhuận được phân phối từ công ty con	64.654.858.168	54.599.178.450
Lợi nhuận được phân phối đã nhận	79.324.696.815	81.647.053.419
Mua hàng hóa	-	2.807.788
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Cổ tức đã nhận	1.201.200.000	2.402.400.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	150.000.000	194.245.000
Mua công cụ và dụng cụ	81.016.000	89.620.000
Mua tài sản cố định	1.630.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	921.208.900	1.036.140.630
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán nguyên vật liệu	-	284.375.000
Doanh thu cho thuê	543.320.791	21.668.880
Chi phí nhân công	4.393.140	5.581.5000
Phí sử dụng bao bì	61.160.900	85.811.052
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	121.778.560	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	93.366.679	31.118.182
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	74.812.000	56.368.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	-	33.408.000
Cổ tức đã nhận	-	1.891.807.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam		
Bán phế liệu	-	495.642.290
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Mua nguyên vật liệu	-	25.588.400

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Tan Teck Chuan Lester	130.000.000	32.500.000
Bà Teoh Jia Ee	91.000.000	22.750.000
Ông Trần Nguyên Trung	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	91.000.000	91.000.000
Ông Neo Gim Siong Bennett	-	97.500.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	-	68.250.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	195.000.000	692.902.078
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	3.703.951.115	3.458.569.197

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024	2023
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	846.491.200	-

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 7 tháng 3 năm 2025



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc